



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001060362	Trịnh Thiên	Hương	01/09/2004	KA11A	03	68	6,3	02	Hương	Lê
2	000002	1001020972	Trương Thị Hồng	Hoa	01/11/2004	KD10E	03	69	5,5	02	Hoa	chấn
3	000003	1001020129	Trần Thu	Hoài	17/03/2004	KD10H	03	70	7,5	02	Hoài	Lê?
4	000004	1101020081	Cao Thị Thu	Hà	08/02/2005	KD11A	03	71	4,0	01	Hà	HP
5	000005	1101020041	Phạm Ngọc	Ảnh	30/08/2005	KD11C	03	72	9,5	01	Ảnh	HP
6	000006	1101021413	Đặng Thị Linh	Chi	04/01/2005	KD11C	03	73	9,5	01	Chi	HP
7	000007	1001021433	Đinh Thành	Đạt	17/03/2004	KD11E	03	74	2,0	01	Đạt	HP
8	000008	1101020045	Phạm Thanh	Bình	11/11/2005	KD11G	03	75	7,5	02	Bình	chấn
9	000009	0901010500	Đặng Hoàng Quý	Anh	27/10/2003	NH9A	03	76	5,5	01	Anh	Lê
10	000010	1001031321	Vũ Thị Vân	Anh	04/05/2004	QM10A	03					HP,ĐK
11	000011	1001030475	Nguyễn Hải	Anh	08/07/2004	QM10B	03	77	4,0	01	anh	Lê
12	000012	1101031155	Trần Đức	Anh	22/01/2005	QM11A	03					HP,ĐK
13	000013	1101031185	Nguyễn Thu	Hiền	09/07/2005	QM11A	03	78	3,0	01	Thu	chấn
14	000014	1101031191	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QM11A	03	79	3,5	01	Hoàng	Lê
15	000015	1101011391	Trần Hải	Đặng	13/03/2005	TC11A	03	80	3,5	01	Đặng	Lê
16	000016	1101010795	Nguyễn Việt	Dũng	16/01/2005	TC11A	03	81	1,5	01	Việt	HP
17	000017	1101081101	Lê Ngọc	Hà	08/02/2005	TM11A	03	82	8,5	02	Hà	HP
18	000018	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	04	83	2,5	02	Hùng	chấn
19	000019	1001020040	Nguyễn Phương	Anh	18/09/2004	KD10B	04	84	4,5	01	Anh	te
20	000020	1001020103	Lê Thu	Hà	26/12/2004	KD10B	04	85	6,0	01	Hà	chấn
21	000021	1001020108	Nguyễn Việt	Hà	09/10/2004	KD10G	04	86	3,8	02	Hà	Lê
22	000022	1101020934	Phạm Thị Tuyết	Chinh	02/09/2005	KD11A	04	87	7,5	01	Chinh	HP
23	000023	1101020969	Nguyễn Lan	Hương	19/04/2005	KD11A	04	88	2,0	01	Hương	Lê
24	000024	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	04	89	Một	01	Hương	HP
25	000025	1101021076	Lê Thủy	Dương	16/10/2005	KD11E	04	90	9,5	01	Thủy	Lê
26	000026	1101020078	Phạm Thị Trà	Giang	08/04/2005	KD11G	04	91	Một	01	Giang	chấn
27	000027	1001011341	Lê Ngọc	Anh	20/04/2004	NH10A	04	92	4,0	01	Anh	Lê
28	000028	1001010781	Trần Huy	Hải	14/07/2004	NH11A	04	93	2,0	01	Huy	chấn
29	000029	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	04	94	Một	01	Bình	Lê
30	000030	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	04	95	Một	01	Hùng	chấn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000031	1001011687	Dặng Hà	Đông	01/12/2004	TC10B	04	96	7,0	01	Đông	HP
32	000032	1101010760	Nguyễn Ngọc	An	05/11/2005	TC11A	04	97	5,5	01	An	chấm
33	000033	1101010765	Lương Ngọc	Anh	28/05/2005	TC11A	04	98	Nơi	01	Anh	le'
34	000034	1001080382	Đinh Duy	Anh	24/11/2004	TM10A	04	99	2,5	01	Đinh	chấm

Tổng số sinh viên dự thi: 32.....

Tổng số tờ giấy thi: 39.....

Tổng số biên bản: 0.....

Ngày 6... tháng 9... Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Phạm Linh Chi

Nguyễn Thị Kim Dung



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000035	0810611743	Nguyễn Thị Khánh	Linh	19/08/2002	KA8A	03	34	2,0	1	K. Linh	lẻ
2	000036	1001021017	Nguyễn Ngọc	Mai	19/03/2004	KD10A	03	35	2,0	1	Mai	HP chẵn
3	000037	1001020181	Trịnh Thùy	Linh	17/04/2004	KD10D	03	36	không	1	Linh	HP lẻ
4	000038	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	03	37	5,5	1	Linh	chẵn
5	000039	1101020205	Đỗ Lê Hoàng	Ngọc	19/02/2005	KD11E	03	38	không	2	Nga	Lẻ
6	000040	1101020210	Nguyễn Thị	Nguyễn	09/02/2005	KD11E	03	39	9,5	1	Nguyễn	HP chẵn
7	000041	1101010874	Nguyễn Trần Thống	Nhất	19/01/2005	NH11A	03	40	5,5	1	Thống	HP lẻ
8	000042	1001070441	Nguyễn Quốc	Huy	22/08/1997	QL10A	03	41	2,0	1	Huy	chẵn
9	000043	1001030592	Nguyễn Trung	Kiên	31/08/2004	QM10B	03	42	2,0	1	Kiên	lẻ
10	000044	1101030636	Ngô Thị Ngọc	Nga	09/01/2005	QM11A	03	43	không	1	Nga	HP chẵn
11	000045	1001031391	Phạm Thuý	Linh	14/07/2004	QT10B	03	44	6,3	2	Linh	lẻ
12	000046	1101030608	Đào Văn	Lộc	19/11/2005	QT11A	03	45	không	1	Lộc	chẵn
13	000047	1101030599	Nguyễn Khánh	Linh	13/12/2005	QT11B	03	46	không	1	Linh	lẻ
14	000048	1101030614	Phạm Khánh	Ly	16/10/2005	QT11B	03	47	5,8	2	Ly	chẵn
15	000049	1101030620	Đỗ Ngọc	Mai	06/06/2005	QT11B	03	48	1,5	1	Mai	lẻ
16	000050	1101030626	Hồ Văn Nhật	Minh	29/03/2005	QT11B	03	49	2,8	1	Minh	chẵn
17	000051	1001080167	Lê Khánh	Linh	12/10/2004	TM10A	03	50	3,5	1	Linh	lẻ
18	000052	1101080403	Lê Thùy	Linh	06/12/2005	TM11A	03	51	4,8	2	Linh	chẵn
19	000053	1101080404	Nguyễn An Túc	Linh	26/04/2004	TM11A	03	52	9,5	2	Linh	HP lẻ
20	000054	1101081106	Trần Thị Thùy	Linh	21/10/2005	TM11A	03	53	2,0	1	Linh	HP chẵn
21	000055	1001020162	Đỗ Phương	Liên	11/05/2004	KD10A	04	54	3,5	1	Liên	HP lẻ
22	000056	1001020157	Trần Thanh	Lâm	05/05/2004	KD10G	04	55	5,3	1	Lâm	HP chẵn
23	000057	1101020129	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	KD11E	04	56	2,5	1	Khánh	HP lẻ
24	000058	1101020168	Vũ Thị Khánh	Linh	10/12/2005	KD11G	04	57	4,5	1	Linh	chẵn
25	000059	1101020179	Bùi Ngọc	Mai	18/02/2005	KD11G	04	58	không	1	Mai	HP lẻ
26	000060	1001010799	Phạm Duy	Kiên	14/12/2003	NH10A	04	59	4,5	1	Kiên	chẵn
27	000061	1101010841	Vũ Duy	Kiên	01/09/2005	NH11A	04	60	2,5	1	Kiên	lẻ
28	000062	1101011380	Nguyễn Khánh	Linh	15/08/2005	NH11A	04	61	4,0	1	Linh	HP chẵn
29	000063	1101010870	Trần Bích	Ngọc	22/03/2005	NH11A	04	62	4,0	1	Ngọc	HP lẻ
30	000064	1101071353	Đỗ Ngọc	Kiên	12/05/2005	QL11A	04	63	3,8	1	Kiên	HP chẵn

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000065	1001030634	Vũ Huy	Nam	08/08/2004	QT10A	04	64	2,0	1		chấn L
32	000066	1101030581	Đỗ Trung	Kiên	28/04/2005	QT11A	04	65	4,5	1	Kiên	chấn
33	000067	1001010818	Trịnh Phúc	Long	17/04/2004	TC10A	04					HP Vãng
34	000068	1001011359	Nguyễn Thị	Lam	14/11/2004	TC10B	04	66	3,8	1	Lam	chấn
35	000069	1101080407	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/04/2005	TM11A	04	67	1,8	1	Linh	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 34...

Tổng số tờ giấy thi: 39...

Tổng số biên bản: 2...

Ngày 06 tháng 9 Năm 2021

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thủy Dung

Trần Thị Lệ



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 2
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Mô hình toán kinh tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000070	1101040381	Nguyễn Phạm Quốc	Việt	23/06/2005	CT11A	03	1	2,0	01	Việt	Chấn
2	000071	1001020317	Nguyễn Thị Thủy	Trang	05/09/2004	KD10D	03	2	3,8	01	Trang	HP Lê
3	000072	1001020335	Đinh Quang	Vinh	11/02/2004	KD10E	03	3	một	01	Vinh	Chấn
4	000073	1101020253	Trần Thị Diệu	Quỳnh	28/07/2005	KD11D	03	4	2,3	01	Quỳnh	Lê
5	000074	1101020258	Bùi Phương	Thanh	26/06/2005	KD11G	03	5	2,5	01	Thanh	HP Chấn
6	000075	0901020190	Võ Thủy	Trang	29/10/2003	KD9H	03	6	1,8	01	Trang	Lê
7	000076	1101010880	Vương Thị Hồng	Nhung	01/06/2005	NH11A	03	7	2,0	01	Thung	Chấn
8	000077	1101010713	Nguyễn Khánh	Toàn	25/12/2005	NH11A	03	8	không	01	không	Lê
9	000078	1001030661	Nguyễn Hà	Phong	09/01/2004	QM10B	03	9	4,0	01	Phong	Chấn
10	000079	1001031464	Nguyễn Hà	Phuong	06/08/2004	QM10B	03					HP,DK
11	000080	1101030704	Trần Thị Thu	Thảo	11/08/2005	QM11A	03	10	7,5	01	Thảo	Chấn
12	000081	1101030752	Nguyễn Ý	Vy	02/10/2005	QT11A	03					HP,DK
13	000082	1101030741	Thẩm Thị Tố	Uyen	30/09/2005	QT11B	03	11	5,3	01	Thẩm	Chấn
14	000083	1101030755	Chú Thị	Yến	11/06/2005	QT11B	03	12	3,0	01	Yến	Lê
15	000084	0810310875	Vũ Thành	Thép	20/10/2002	QT8B	03	13	2,0	01	Thép	Chấn
16	000085	1001010890	Lăng Quốc	Việt	29/10/2004	TC10A	03	14	1,5	01	Việt	HP Lê
17	000086	1101080423	Trần Thị Thu	Trang	10/06/2005	TM11A	03	15	9,5	02	Trang	Chấn
18	000087	1001020276	Lê Phương	Thảo	20/09/2004	KD10B	04	16	một	01	Thảo	Lê
19	000088	0810210844	Bế Thu	Uyên	22/07/2002	KD10B	04	17	2,5	01	Ngọc	Chấn
20	000089	1001021670	Lê Ngọc	Thúy	02/06/2004	KD10D	04	18	một	01	Thúy	Lê
21	000090	1001020288	Cao Thị	Thị	20/02/2004	KD10G	04	19	3,5	01	Thị	Chấn
22	000091	1001021060	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/07/2004	KD10H	04	20	3,0	01	Thảo	Lê
23	000092	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD11A	04	21	3,5	01	Oai	Chấn
24	000093	1101020299	Nguyễn Mai	Trang	26/03/2005	KD11A	04	22	2,3	01	Trang	Lê
25	000094	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	04	23	0,5 không nam	01	Trang	HP Chấn
26	000095	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD11C	04	24	một	01	Đỗ	Chấn
27	000096	1101020308	Nguyễn Thụy	Trang	14/08/2005	KD11E	04	25	8,0	02	Trang	HP Chấn
28	000097	1101021428	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	KD11E	04	26	0,5 không nam	01	Vy	HP Lê
29	000098	0901030568	Hoàng Hải	Ninh	24/09/2003	KD9E	04	27	4,0	01	Ninh	Chấn
30	000099	0901020161	Đinh Thị	Trang	14/03/2003	KD9G	04	28	6,0	01	Trang	Lê

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
31	000100	1001010842	Ngô Thế	Phát	17/11/2004	NH10A	04	29	3,5	1	Phát	chấm
32	000101	1001010883	Lý Thùy	Trang	30/12/2004	NH10A	04	30	2,5	1	Trang	lẻ
33	000102	1101070456	Lê Trọng	Thuận	06/09/2005	QL11A	04	31	3,0	2	Thuận	chấm
34	000103	1001010868	Lý Trí	Thiên	03/09/2004	TC10A	04	32	2,0	1	Thiên	lẻ
35	000104	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	04	33	không	1	Toàn	HP (chấm)

Tổng số sinh viên dự thi: ~~35~~ 33

Tổng số tờ giấy thi: 35

Tổng số biên bản: 0

Ngày 6... tháng 9... Năm 2025

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2


Đài Tiên Tek


Đoàn Thị Phụng